TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2026
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Lê Thị Tuyết Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 771/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1988. Căn cước công dân: 092088013576.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Ngọc D, sinh năm 1994. Căn cước công dân: 091194011067.

Địa chỉ: Số A ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông P trình bày và yêu cầu: Ông với bà D quen biết, tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2023 tại UBND xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ (Nay là: Xã T, thành phố Cần Thơ). C sống có con chung Trần Nhã N (Nữ), sinh ngày 06/6/2018. Ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do bà D không quan tâm gia đình, không chăm lo làm ăn. Mặc dù, đã cố gắng nhiều lần hàn gắn nhưng không thể nên đã ly thân từ đó đến nay. Thấy rằng đời sống vợ chồng, hạnh phúc gia đình không thể tiếp tục được nữa, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà D, được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông bà không có tài sản, không nợ nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét. Ông P có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà D: Vắng mặt trong quá trình giải quyết, không ghi nhận được lời khai.

Tại bản tự khai, cháu N có nguyện vọng, mong muốn tiếp tục chung sống với ông P (bút lục 19).

Tại phiên tòa, Ông P vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt, bà D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, lời khai cùng chứng cứ, tài liệu kèm theo Tòa án xác định ông P với bà D tranh chấp ly hôn để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nơi bị đơn cư trú quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà D.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua lời khai của ông P thấy rằng việc mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là có. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện thủ tục giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ cho bà D (có ký nhận) nhưng bà luôn vắng mặt, không hợp tác, không có lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông P thể hiện bà bỏ mặc, không còn quan tâm, mong muốn hàn gắn hôn nhân nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Nguyện vọng cháu N tiếp tục được chung sống với ông P, trong khi bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận giao cháu N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Bà D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản.

[4] Ghi nhận lời khai của ông P về việc ông bà không có tài sản, không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0006304 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, ông không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, các Điều 277, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Trần Thanh P.

Về hôn nhân: Ông Trần Thanh P ly hôn với bà Trương Thị Ngọc D.

Về con chung: Giao cháu Trần Nhã N (Nữ), sinh ngày 06/6/2018 cho ông Trần Thanh P nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà Trương Thị Ngọc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Trương Thị Ngọc D không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản và nợ: Ghi nhận lời trình bày của ông Trần Thanh P về việc ông bà không có tài sản, không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh P phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0006304 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, ông không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- P.THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND xã Thới Lai, Tp. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Mẫn